

## Use Case “Pay Order”

### 1. Use case code

UC001

### 2. Brief Description

Ca sử dụng này mô tả sự tương tác giữa khách hàng, phần mềm AIMS và hệ thống liên ngân hàng khi khách hàng muốn thanh toán đơn hàng của mình.

### 3. Actors

3.1. Khách hàng

3.2. Hệ thống liên ngân hàng

### 4. Preconditions

Phần mềm đã hoàn thành việc tính toán tổng chi phí khách hàng phải trả bao gồm chi phí giao hàng và tổng giá cả sản phẩm đã bao gồm VAT, sau đó hiển thị thông tin đơn hàng tạm thời.

### 5. Basic flow of Events

Step1. Phần mềm hiển thị màn hình thanh toán.

Step2. Khách hàng nhập thông tin thanh toán bao gồm thông tin thẻ tín dụng và nội dung giao dịch.

Step3. Phần mềm kiểm tra thông tin khách hàng nhập vào.

Step4. Phần mềm yêu cầu liên ngân hàng thực hiện giao dịch.

Step5. Liên ngân hàng thực hiện giao dịch.

Step6. Liên ngân hàng lưu lại thông tin giao dịch.

Step7. Phần mềm lưu lại thông tin giao dịch.

Step8. Phần mềm hiển thị mã giao dịch, tên chủ thẻ, số tiền bị trừ, nội dung giao dịch, số dư, ngày giờ giao dịch.

### 6. Alternative flows

| No | Location | Condition                               | Action   | Resume location |
|----|----------|---|--|-----------------|
| 1  | Step4    | Khách hàng nhập thông tin sai định dạng | Phần mềm thông báo thông tin đã nhập sai định dạng, hiển thị trường bị sai | Step1           |
| 2  |          | Khách hàng nhấn nút hủy bất cứ lúc nào  | Phần mềm kết thúc ca sử dụng(không thành công)                             |                 |
| 3  | Step5    | Thẻ tín dụng không đủ số dư             | Phần mềm thông báo số dư không đủ, kết thúc ca sử dụng(không thành công)   |                 |
| 4  | Step4    | Thông tin thẻ tín dụng không chính xác  | Phần mềm thông báo thông tin thẻ không chính xác                           | Step1           |

### 7. Input data

| No | Data fields                 | Description | Mandatory | Valid condition                                | Example    |
|----|-----------------------------|-------------|-----------|--|------------|
| 1  | Tên ngân hàng phát hành thẻ |             | Có        | Ngân hàng phải nằm trong danh sách đã liên kết | Vietinbank |

|   |                    |  |       |                             |               |
|---|--------------------|--|-------|-----------------------------|---------------|
|   |                    |  |       | với liên ngân hàng          |               |
| 2 | Tên chủ thẻ        |  | Có    | Tên in hoa không dấu        | LUONG THI TAM |
| 3 | Mã thẻ             |  | Có    | Dãy chỉ bao gồm các chữ 0-9 | 123456789     |
| 4 | Mã bảo mật         |  | Có    |                             | Luongtam      |
| 5 | Nội dung giao dịch |  | Không |                             |               |

## 8. Output data

| No | Data fields        | Description | Display format   | Example       |
|----|--------------------|-------------|--|---------------|
| 1  | Mã giao dịch       |             |  | VT57392       |
| 2  | Tên chủ thẻ        |             | Tên in hoa không dấu   | LUONG THI TAM |
| 3  | Số tiền bị trừ     |             | Phải là số nguyên<br>Căn lẻ phải<br>Ngăn cách hàng nghìn bằng dấu phẩy | 250,000       |
| 4  | Nội dung giao dịch |             |  |               |
| 5  | Số dư              |             | Phải là số nguyên<br>Căn lẻ phải<br>Ngăn cách hàng nghìn bằng dấu phẩy | 2,450,245     |
| 6  | Ngày giờ giao dịch |             | dd/mm/yyyy   | 20/10/2022    |

## 9. Postconditions

Sau khi thực hiện chức năng này sẽ có hai trường hợp: khách hàng thanh toán thành công hoặc khách hàng thanh toán không thành công.

Trong trường hợp thanh toán thành công: số dư trong tài khoản của khách hàng sẽ giảm đi số tiền tương ứng và lưu lại lịch sử giao dịch.

Trong trường hợp thanh toán không thành công: số dư trong tài khoản của khách hàng không có sự thay đổi gì.

## 10. Activity diagrams

